

Số: HHAN-06/15h00/DBQG

Hà Nội, ngày 10 tháng 6 năm 2024

**TIN DỰ BÁO HẠN HÁN VÀ SẠT LỖ ĐẤT, SỤT LÚN ĐẤT DO
HẠN HÁN TRÊN KHU VỰC TRUNG TRUNG BỘ, NAM TRUNG BỘ**
(Từ ngày 11 đến ngày 20/6/2024)

1. Hiện trạng tổng lượng mưa, tổng lượng nước mặt trong 10 ngày qua

- Trong 10 ngày qua, tại khu vực Trung Bộ có tổng lượng mưa (TLM) phổ biến từ 20-60mm. Chuẩn sai lượng mưa phổ biến xấp xỉ đến thấp hơn từ 10-25mm so với trung bình nhiều năm (TBNN). So với cùng kỳ năm 2023 khu vực từ Quảng Bình đến Quảng Ngãi và từ Phú Yên đến Khánh Hòa có TLM thấp hơn năm 2023 từ 20-50mm, có nơi cao hơn; riêng Bình Định và Bình Thuận có TLM cùng thời kỳ cao hơn năm 2023 từ 10-40mm.

- Khu vực Trung Trung Bộ: Dòng chảy trên các sông trong khu vực có dao động. Tổng lượng dòng chảy trên các sông thấp hơn so với TBNN từ 26-89%, riêng Tả Trạch tại Thượng Nhật cao hơn TBNN cùng kỳ 117%, sông Thu Bồn tại Nông Sơn, sông Trà Khúc tại Sơn Giang ở mức TBNN.

- Khu vực Nam Trung Bộ: Dòng chảy các sông trên khu vực Nam Trung Bộ ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trung bình các sông biến đổi theo xu thế giảm dần và thấp hơn TBNN cùng kỳ từ 70-85%, riêng sông An Lão tại An Hòa cao hơn 30%, sông Cái Nha Trang tại Đồng Trăng xấp xỉ so với TBNN; các hồ ở mức thấp hơn từ 50-85%, riêng hồ Vĩnh Sơn cao hơn TBNN cùng kỳ 35%.

2. Dự báo diễn biến tổng lượng mưa, tổng lượng nước mặt trong 10 ngày tiếp theo

- Dự báo TLM từ ngày 11-20/6/2024 tại khu vực Trung Bộ phổ biến 15-30mm, có nơi cao hơn; khu vực Đà Nẵng đến Bình Định, Bình Thuận phổ biến từ 40-80mm, có nơi trên 100mm. Chuẩn sai lượng mưa tại các khu vực phổ biến thiếu hụt từ 10-30mm so với TBNN.

- Khu vực Trung Trung Bộ: Dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên các sông thấp hơn từ 24-91%, riêng sông Tả Trạch tại

Thượng Nhật cao hơn TBNN cùng kỳ 91%, sông Thu Bồn tại Nông Sơn ở mức TBNN.

- Khu vực Nam Trung Bộ: Dòng chảy các sông trên khu vực ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy các sông phổ biến thấp hơn TBNN cùng kỳ từ 30-55%, các sông ở Bình Định và Khánh Hòa ở mức xấp xỉ và cao hơn TBNN khoảng 10%; các hồ cao hơn so với TBNN từ 10-30%, riêng hồ sông Hinh thấp hơn TBNN 10%.

3. Cảnh báo sạt lở đất, sụt lún đất do hạn hán: *Không*

4. Cảnh báo cấp độ rủi ro thiên tai do hạn hán:

- *Khu vực Trung Trung Bộ*: cấp 1.

- *Khu vực Nam Trung Bộ*: cấp 1.

5. Cảnh báo tác động của hạn hán:

Hạn hán làm giảm năng suất, sản lượng cây trồng, giảm diện tích gieo trồng, tăng chi phí sản xuất nông nghiệp; tăng giá thành và giá cả các lương thực; giảm tổng giá trị sản phẩm chăn nuôi. Hạn hán gây khó khăn cho các nhà máy thủy điện trong quá trình vận hành, làm suy giảm, ô nhiễm nguồn nước ảnh hưởng đến dân sinh, kinh tế-xã hội.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 20/6/2024

Tin phát lúc: 15h00

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phùng Tiến Dũng

Phụ lục

Phụ lục 1: Hiện trạng tổng lượng mưa, tổng lượng nước mặt

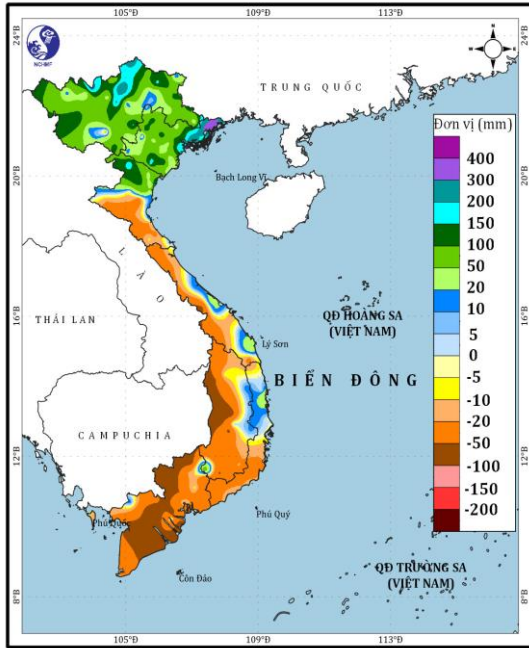
Bảng 1.1: Hiện trạng tổng lượng nước mưa từ ngày 01 đến ngày 10/6/2024

Khu vực/Tỉnh/Huyện	Trạm	Thực đo (mm)	So sánh với TBNN (mm)	So sánh năm trước (mm)
Trung Trung Bộ	Tuyên Hóa	0,1	-28,9	-27,8
	Đông Hới	0,7	-14,1	-13,6
	Ba Đồn	9,7	-8,7	3,6
	Cồn Cỏ	51,8	25,2	-12,7
	Đông Hà	40,8	17,3	28,8
	Khe Sanh	24,3	-25,6	-38,8
	Huế	61,6	31,4	8,3
	A Lưới	3,1	-62,9	-105,2
	Nam Đông	76,6	18,5	34,1
	Hoàng Sa	0,4	-4,0	-90,9
	Đà Nẵng	4,9	-17,5	-8,3
	Tam Kỳ	41,1	11,0	30,3
	Trà My	58,6	-7,2	-94,3
	Lý Sơn	0,9	-20,6	-23,3
	Quảng Ngãi	77,5	52,4	5,7
	Ba Tơ	21,3	-26,4	-12,2
	Nam Trung Bộ	Hoài Nhơn	23,5	-6,8
An Nhơn		39,0	2,9	2,5
Quy Nhơn		72,3	48,6	51,0
Sơn Hoà		48,8	13,2	26,3
Tuy Hòa		31,8	-0,7	-0,5
Nha Trang		0,5	-17,1	-47,5
Cam Ranh		1,6	-19,1	-46,8
Sông Tử Tây		38,8	-37,7	-20,2
Trường Sa		148,8	95,1	134,1
Phan Rang		1,1	-30,2	-8,4
Phan Thiết		23,9	-10,7	-91,3
La Gi		44,9	-27,3	18,7
Phú Quý		94,2	42,3	0,3
Phan Rí	0,1	-28,9	-27,8	

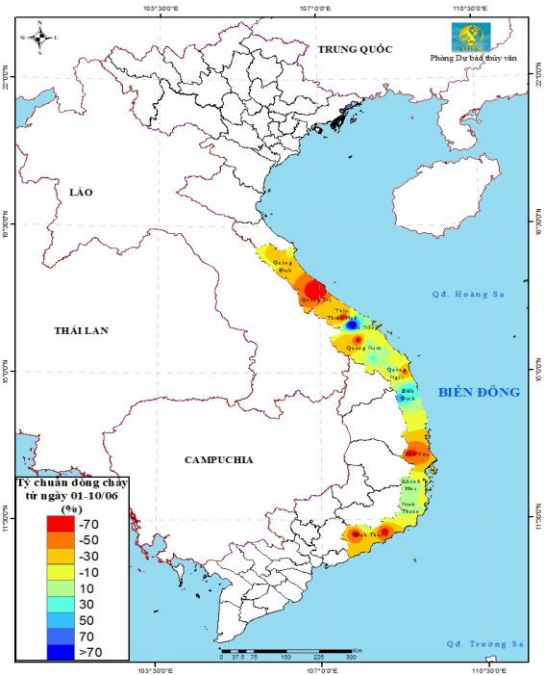
Bảng 1.2: Hiện trạng tổng lượng nước mặt trên các lưu vực sông từ ngày 01 đến ngày 10/6/2024

Sông	Trạm	Thực đo (10⁶m³)	So sánh với TBNN (%)	So sánh năm trước (%)
Gianh	Đông Tâm	15,2	<37	<22
Bến Hải	Gia Vòng	0,4	<89	<88
Tả Trạch	Thượng Nhật	14,4	>117	>197
Vu Gia	Thành Mỹ	7,3	<83	<25
Thu Bồn	Nông Sơn	85,3	~TBNN	>40
Trà Khúc	Sơn Giang	72,2	>3	>64

Vệ	An Chi	5,4	<58	<52
An Lão	An Hòa	89,9	>32	>38
Ba	Củng Sơn	241,9	<73	<79
Cái Nha Trang	Đông Trăng	293,8	<6	<38
Sông Lũy	Sông Lũy	33,7	<79	<41
La Ngà	Tà Pao	89,0	<79	<50



Hình 1.1: Bản đồ chênh lệch tổng lượng mưa 10 ngày so với TBNN khu vực Trung Trung Bộ, Nam Trung Bộ từ ngày 01 đến ngày 10/6/2024



Hình 1.2: Bản đồ chênh lệch tổng lượng dòng chảy 10 ngày so với TBNN khu vực Trung Trung Bộ, Nam Trung Bộ từ ngày 01 đến ngày 10/6/2024

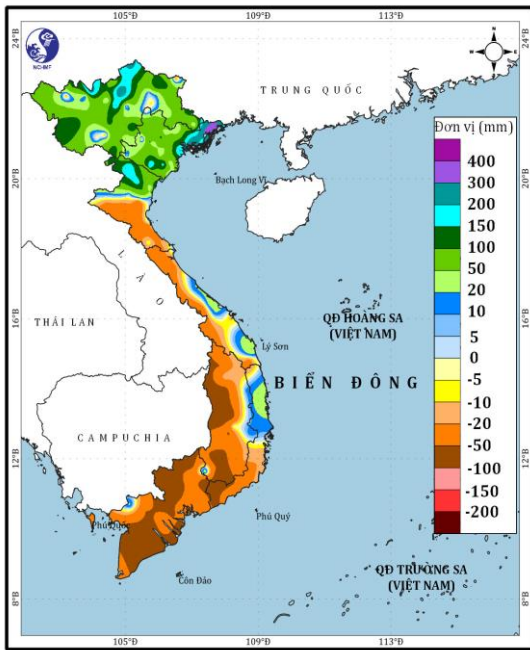
Phụ lục 2: Dự báo, cảnh báo tổng lượng mưa, tổng lượng nước mặt
Bảng 2.1: Dự báo tổng lượng nước mưa từ ngày 11 đến ngày 20/6/2024

Khu vực/Tỉnh/Huyện	Trạm	Dự báo (mm)	So sánh TBNN (mm)	
Trung Trung Bộ	Tuyên Hóa	10-20	<10-25	
	Đồng Hới	10-20	<10-25	
	Ba Đồn	10-20	<10-25	
	Cồn Cỏ	10-20	<10-25	
	Đông Hà	10-20	<10-25	
	Khe Sanh	10-20	<30-50	
	Huế	10-20	<20-40	
	A Lưới	10-20	<30-50	
	Nam Đông	10-20	<20-50	
	Hoàng Sa	10-20	<10-25	
	Đà Nẵng	15-30	>10-20	
	Tam Kỳ	15-30	>10-20	
	Trà My	15-30	<20-30	
	Lý Sơn	20-50	>10-20	
	Quảng Ngãi	30-60	>10-20	
	Ba Tơ	30-60	<10-20	
	Nam Trung Bộ	Hoài Nhơn	15-30	>10-20
		An Nhơn	30-60	>15-30
		Quy Nhơn	10-20	<10-20
		Sơn Hoà	30-60	>15-30
Tuy Hòa		30-60	>15-30	
Nha Trang		15-30	>15-30	
Cam Ranh		15-30	<10-20	
Song Tử Tây		15-30	<30-50	
Trường Sa		10-20	<30-50	
Phan Rang		15-30	<5-15	
Phan Thiết		30-60	<10-20	
La Gi (Hàm Tân)		30-60	<10-20	
Phú Quý		30-60	>5-15	
Phan Rí		30-60	>10-20	

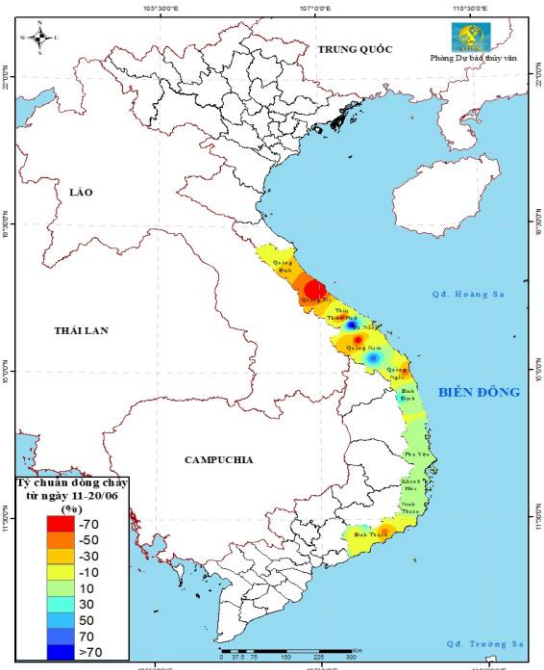
Bảng 2.2: Dự báo tổng lượng nước mặt trên các lưu vực sông từ 11 đến ngày 20/6/2024

Sông	Trạm	Dự báo (10⁶ m³)	So sánh TBNN (%)
Gianh	Đồng Tâm	11,7	<37
Bến Hải	Gia Vông	0,4	<91
Tả Trạch	Thượng Nhật	12,5	>91
Vu Gia	Thành Mỹ	6,0	<88
Thu Bồn	Nông Sơn	82,9	<24
Trà Khúc	Sơn Giang	70,8	<1

Sông	Trạm	Dự báo (10 ⁶ m ³)	So sánh TBNN (%)
Vệ	An Chỉ	5,4	<61
An Lão	An Hòa	73,4	>7
Ba	Củng Sơn	820,8	<9
Cái Nha Trang	Đông Trảng	335,2	>7
Sông Lũy	Sông Lũy	70,8	<55
La Ngà	Tà Pao	300,7	<30



Hình 2.1: Bản đồ chênh lệch tổng lượng mưa 10 ngày so với TBNN khu vực Trung Trung Bộ, Nam Trung Bộ từ ngày 11 đến ngày 20/6/2024



Hình 2.2: Bản đồ chênh lệch tổng lượng dòng chảy 10 ngày so với TBNN khu vực Trung Trung Bộ, Nam Trung Bộ từ ngày 11 đến ngày 20/6/2024